hēi shì

黑市

noun · black market

Example Sentences

Jǐng fāng zuì jìn dǎ jī le yī gè fēi fǎ hēi shì jiāo yì diǎn
警 方 最近打击了一个非法黑市交易点。

The police recently cracked down on an illegal black market trading site.

Hēi shì shàng de shāng pǐn wǎng wǎng méi yǒu zhì liàng bǎo zhèng
黑市上的商品往往没有质量保证。

Goods on the black market often have no quality guarantee.

Trace each character, then write the word on your own.

黑 黑 黑 黑 黑 黑 黑 黑 黑 黑 黑

黑 黑 黑 黑

市 市 市 市 市 市 市 市